

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 26/3/2021

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Duy Phước
2. Ông Hồ Đắc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 “*V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 10/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà D có mặt

- Bị đơn: Chị Tuệ Thị Kiều K, sinh năm 1982 và anh Nguyễn Bình T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ H, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh T ủy quyền cho chị K tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền được ủy ban nhân dân xã S thị xã A chứng nhận ngày 16/3/2021. Chị K có mặt.

NỘI D V U ÁN:

Lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D trình bày: Vì chỗ quen biết nhau nên vợ chồng anh Nguyễn Bình T chị Tuệ Thị Kiều K có đặt vấn đề hỏi bà D vay số tiền 150.000.000đ để làm ăn. Khi vay tiền, ông T, bà K có viết giấy vay tiền và ký xác nhận, hẹn sẽ trả số tiền trên sau 05 tháng kể từ ngày 20/6/2018. Đến hạn trả nợ anh T chị K không trả nên bà D có đòi nhiều lần nhưng đến nay vẫn

chưa trả số tiền nợ nói trên. Tại phiên tòa bà D yêu cầu anh T, chị K phải trả số tiền gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn: Tại phiên tòa chị K trình bày như sau: Vợ chồng chị K anh T có vay của bà Nguyễn Thị Xuân D số tiền 150.000.000đ vào ngày 20/6/2018 để làm ăn. Khi vay tiền có viết giấy xác nhận mượn tiền vào ngày 20/6/2018 và hẹn sẽ trả sau 05 tháng như bà D trình bày. Do làm ăn thua lỗ, đến nay chưa trả số tiền đó cho bà D. Hiện nay anh T đi làm, không có thời gian đến Tòa nên đã ủy quyền cho chị K tham gia tố tụng để giải quyết số tiền nợ 150.000.000đ của bà D. Chị K xin để vợ chồng chị sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết số tiền nợ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bà D.

- Đối với anh T, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hòa giải, triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì trong hồ sơ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội D: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu như sau: Tại phiên tòa chị K thừa nhận vợ chồng chị có vay của bà D số tiền 150.000.000đ vào ngày 20/6/2018 và hẹn trả sau 5 tháng nhưng không có tiền trả. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh T, chị K phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền còn nợ là 150.000.000đ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Xuân D khởi kiện anh Nguyễn Bình T và chị Tuệ Thị Kiều K, hiện cư trú tại Tổ H, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai, để yêu cầu phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà D yêu cầu anh T và chị K phải trả số tiền gốc đã vay là 150.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị K đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ nhưng Tòa án đã triệu tập bị đơn anh T, chị K đến để hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không thể hòa giải được. Tại phiên tòa, chị K thừa nhận vợ

chồng chị K anh T có vay của bà Nguyễn Thị Xuân D số tiền 150.000.000đ vào ngày 20/6/2018 và hẹn trả sau 5 tháng như bà D khởi kiện nhưng do làm ăn thua lỗ nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ nhưng bà D không đồng ý. Việc nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn anh Nguyễn Bình T và chị Tuệ Thị Kiều K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Xuân D số tiền gốc còn nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Tại phiên tòa chị K trình bày số tiền nợ trên là nợ chung của vợ chồng và thể hiện trong giấy nhận nợ ngày 20/6/2018 anh T ghi “chồng” và ký tên. Xét, việc vợ chồng chị K anh T vay tiền của bà D để phục vụ chung cho gia đình nên chị K anh T có trách nhiệm liên đới của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[5]. Về khoản lãi phát sinh. Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem.

[6]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền được Tòa án chấp nhận là 150.000.000đ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D.

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Bình T và chị Tuệ Thị Kiều K, phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân D, số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả

khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Bình T và chị Tuệ Thị Kiều K phải nộp số tiền là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số: 0004592 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Duy Phước

Hồ Đức Thắng

Mai Trung Toàn

